

|                    |            |         |         |
|--------------------|------------|---------|---------|
| Ngày<br>31/03/2024 | 16,000 VNĐ |         |         |
| Thay đổi           | 1 tháng    | 3 tháng | 6 tháng |
|                    | 0.9%       | -2.1%   | 0%      |

|                       |                 |
|-----------------------|-----------------|
| Sàn giao dịch         | HSX             |
| Khoảng giá 52 tuần    | 15,200 - 19,250 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ)      | 400             |
| Số lượng CPLH (CP)    | 25,000,000      |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 152,720         |
| Sở hữu nước ngoài     | 0.0%            |
| Beta                  | 0.51            |
| EPS                   | 1,056           |
| P/E                   | 15.1            |

DT thuần  
Q1/24

861

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 292 | 51.3%

YoY: ▼90.0 | -9.5%

LN trước thuế  
Q1/24

3.20

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.45 | 83.1%

YoY: ▼6.90 | -68.3%

LN sau thuế  
Q1/24

2.79

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.66 | 147%

YoY: ▼5.51 | -66.4%

ROA  
2023

2.0%

+/- YoY: ▼ 0.1%

DT thuần  
2023

3,662

tỷ VNĐ

YoY: ▼349 | -8.7%

LN trước thuế  
2023

40.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.60 | 1.5%

LN sau thuế  
2023

32.5

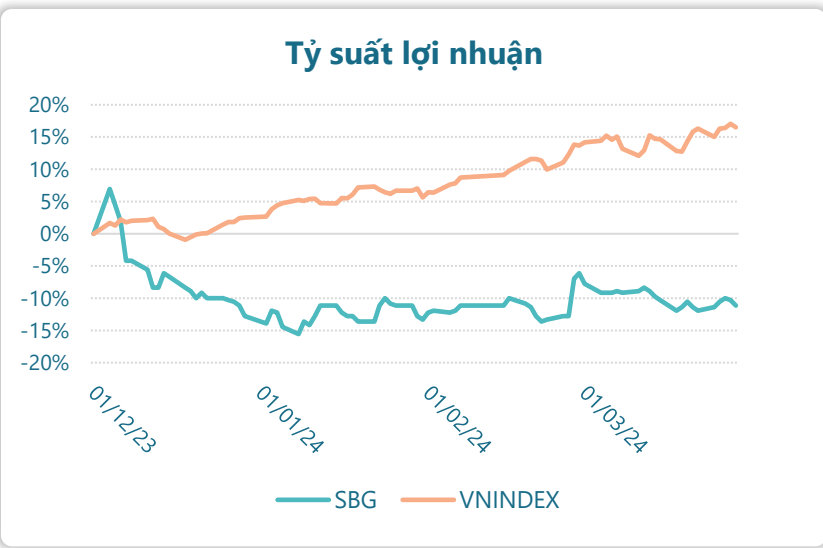
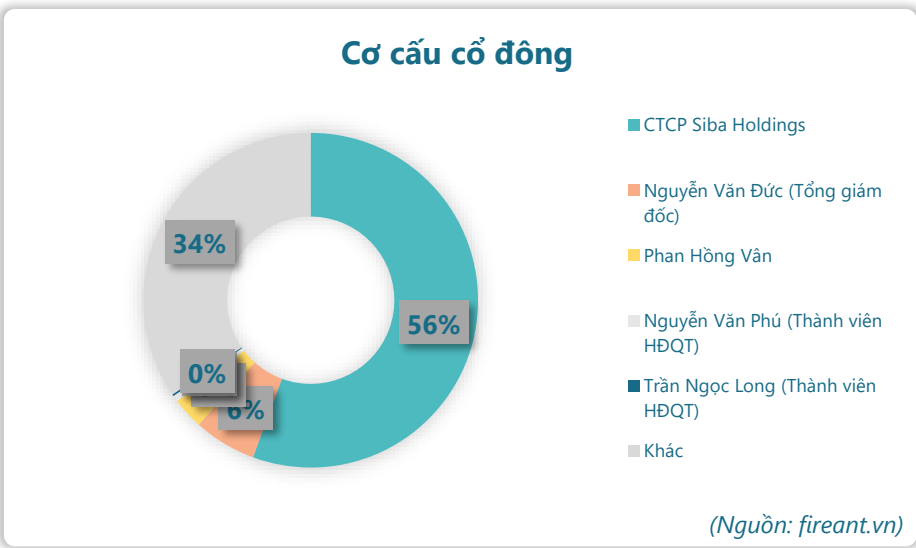
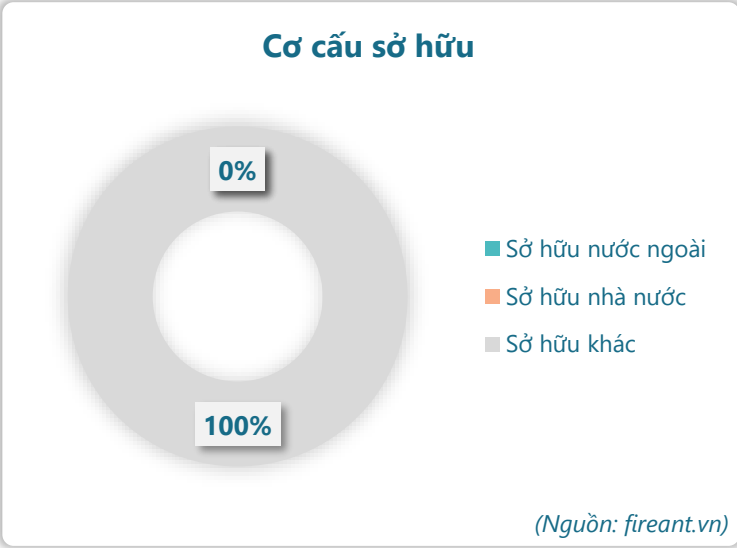
tỷ VNĐ

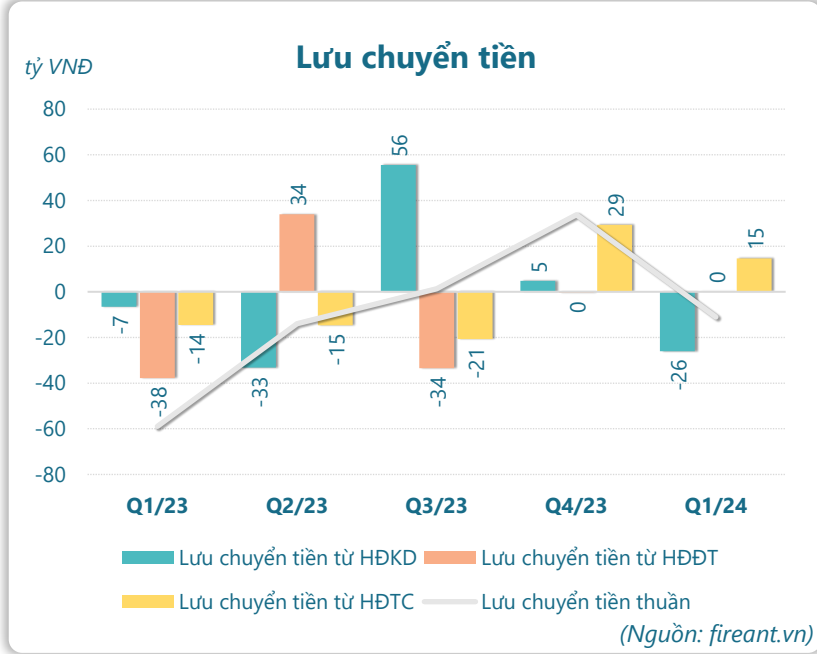
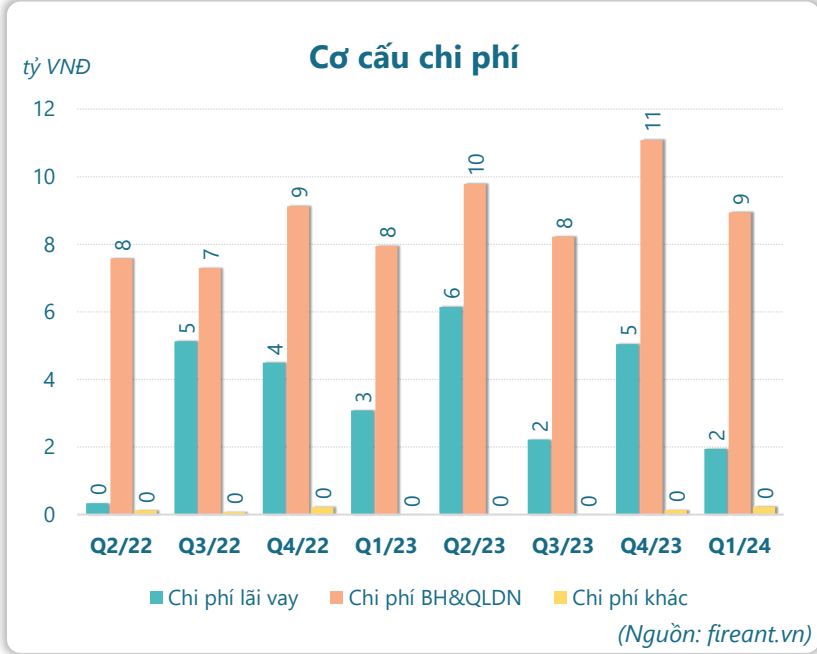
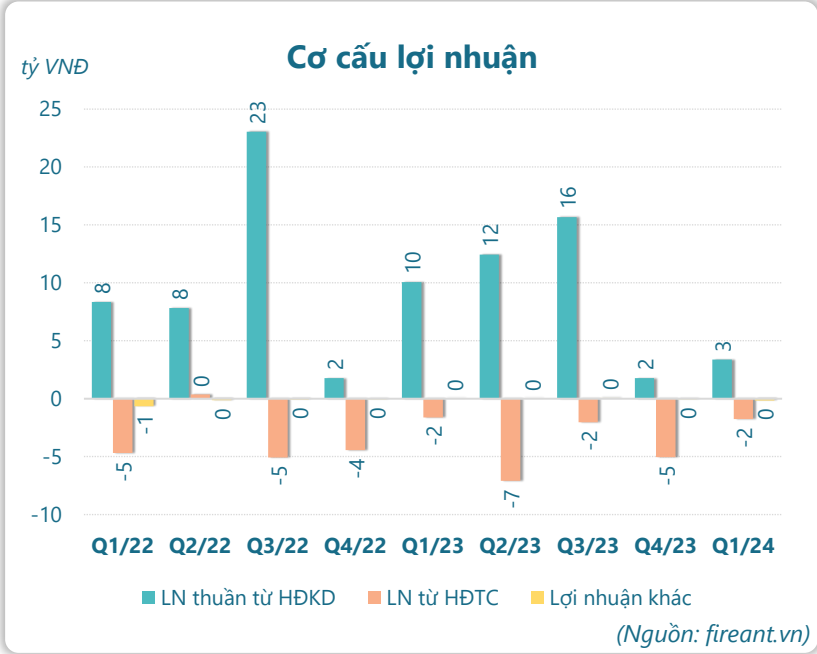
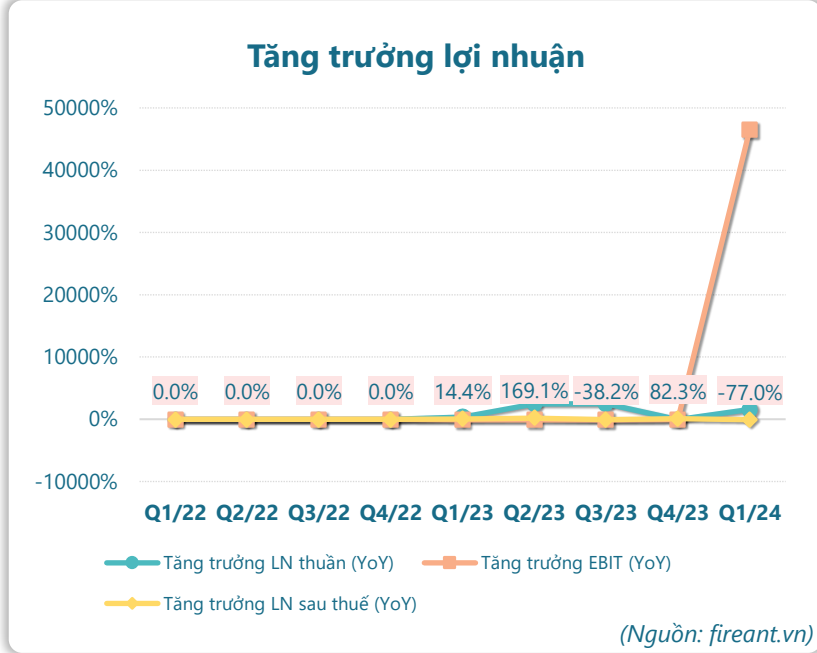
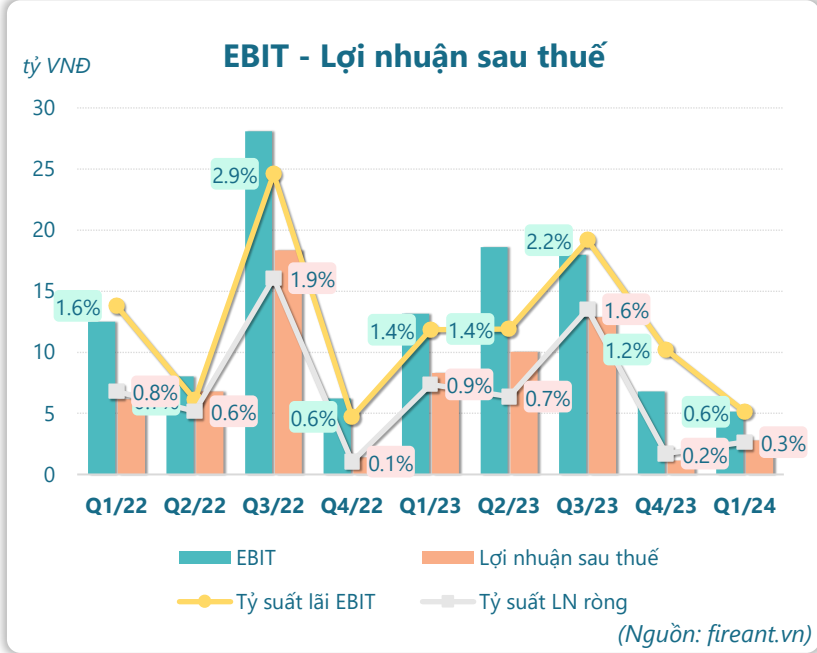
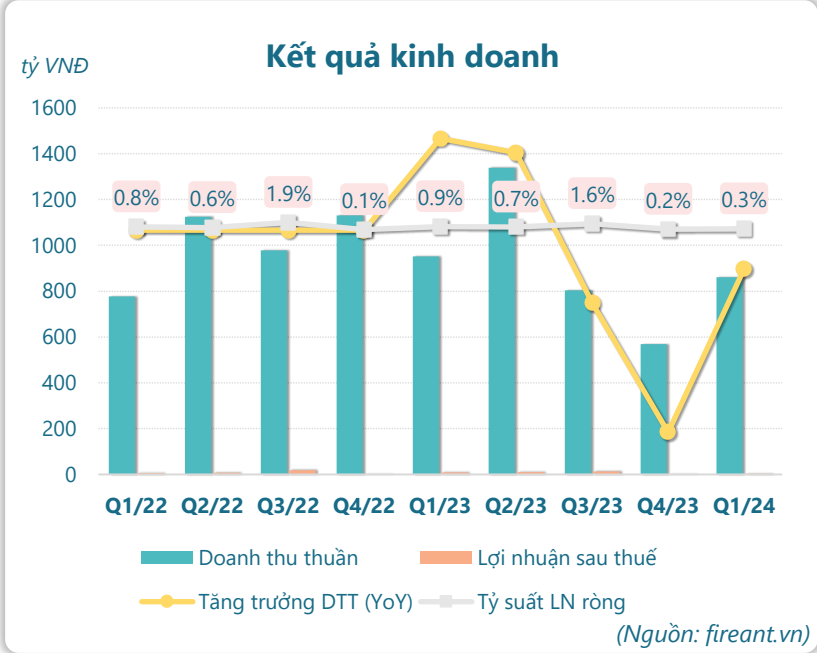
YoY: ▼5.10 | -13.5%

ROE  
2023

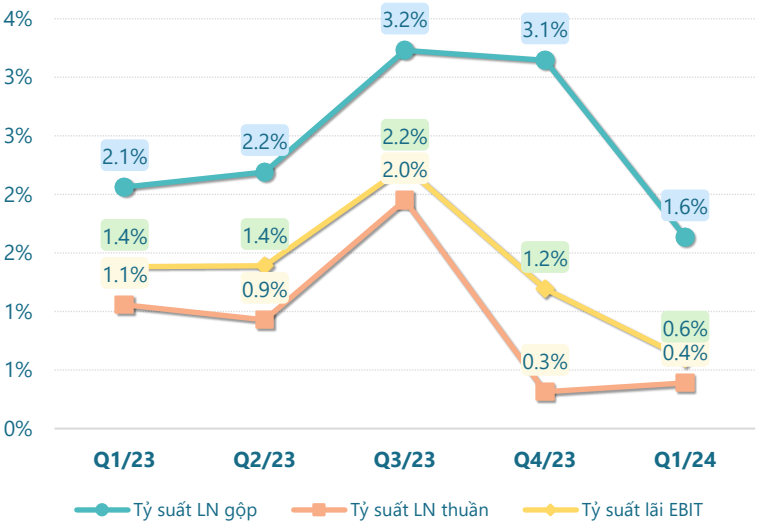
7.8%

+/- YoY: ▼ 4.7%



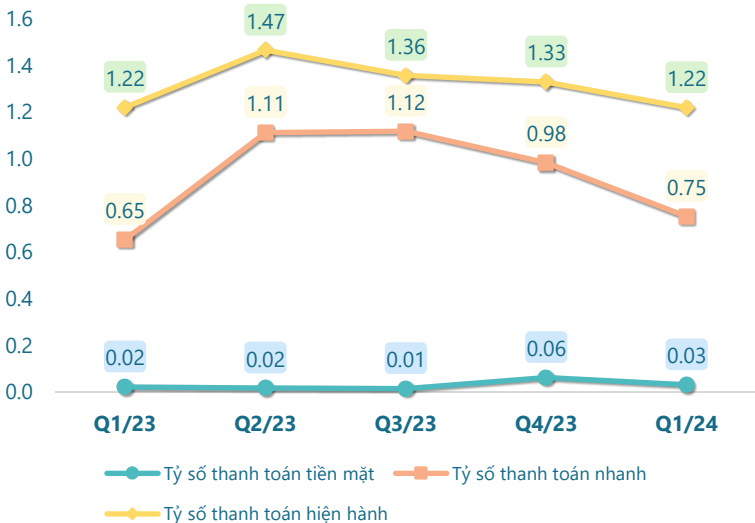


Tỷ suất lợi nhuận



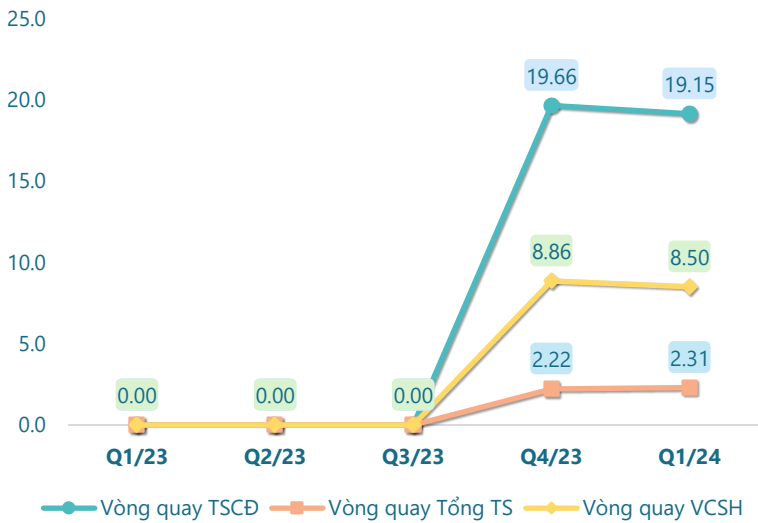
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



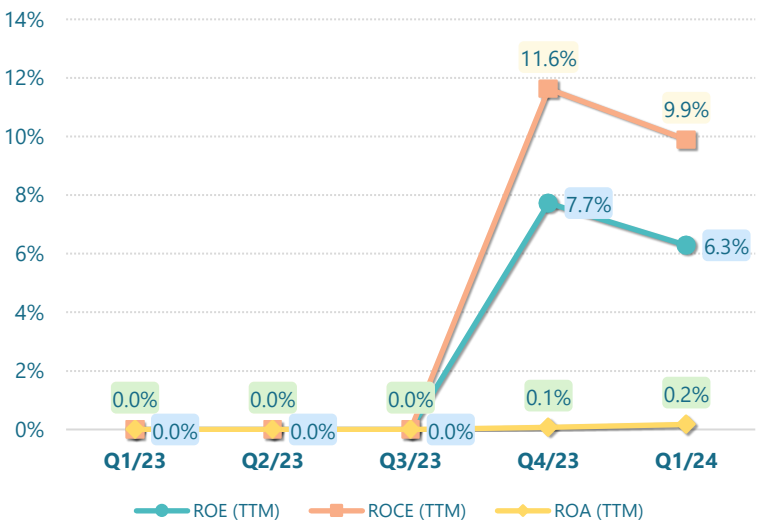
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



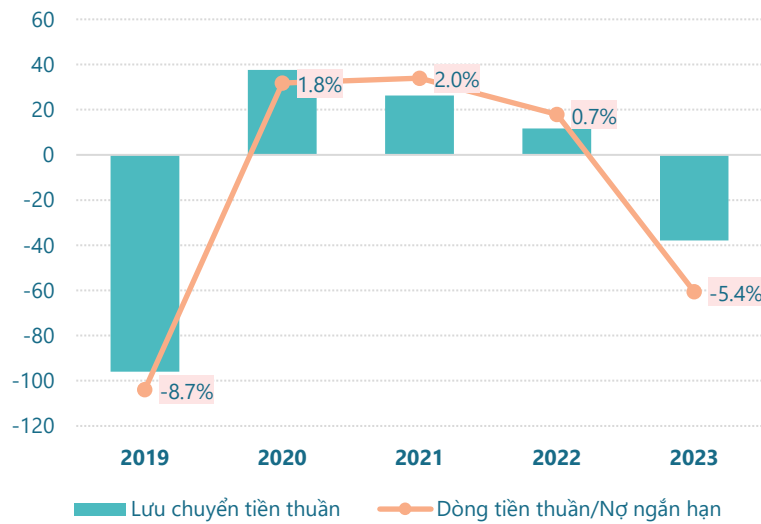
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



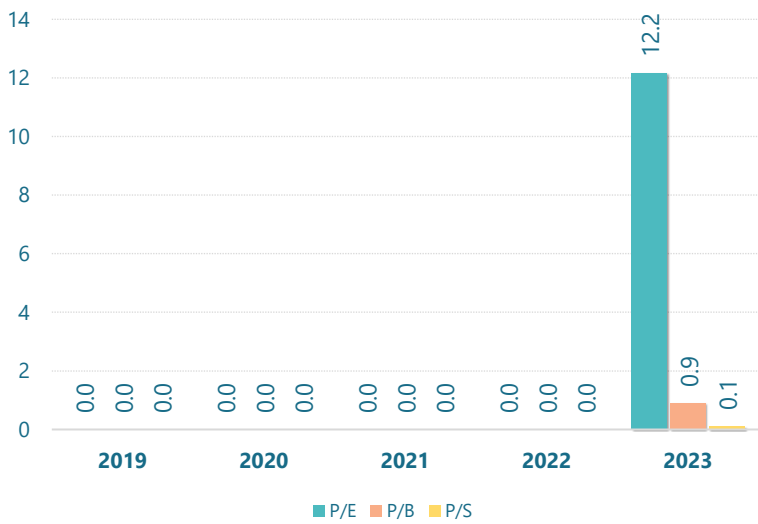
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)